SỞ TÀI CHÍNH TỈNH YÊN BÁI **Biểu số 38/CK-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình mục tiêu quốc gia)	Chi Thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu quốc gia)	Chi trả lãi các khoản vay do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi Chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	**6.048.374**	**2.730.277**	**2.948.062**	**4.700**	**1.200**	**97.565**	**266.570**	**0**	**0**	**0**	
1	**Sở Nông nghiệp và các đơn vị trực thuộc**	**275.951**		**275.951**								
1.1	Trung tâm khuyến nông	3.337		3.337								
1.2	Chi cục thuỷ sản	2.155		2.155								
1.3	Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi	2.499		2.499								
1.4	Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật	2.688		2.688								
1.5	Chi cục chăn nuôi thú y	3.289		3.289								
1.6	Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu	2.094		2.094								
1.7	Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mù Cang Chải	2.107		2.107								
1.8	Văn phòng Sở Nông nghiệp & PTNT	7.473		7.473								
1.9	Chi cục phát triển nông thôn	3.113		3.113								
1.10	Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản & thủy sản	2.948		2.948								
1.11	Chi cục kiểm lâm	49.678		49.678								
1.12	Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	600		600								
1.13	Chi thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh ban đầu cho gia súc, gia cầm	2.000		2.000								
1.14	Kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	24.650		24.650								
1.15	Khen thưởng cho các xã có thành tích đạt chuẩn trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu	10.000		10.000								
1.16	Các chính sách của tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp	90.000		90.000								
1.17	Hỗ trợ kinh phí sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	51.188		51.188								
1.18	Chi công tác xúc tiến thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh	2.500		2.500								
1.19	Chi cục thuỷ lợi	13.632		13.632								

1.20	- Văn phòng chi cục	3.132		3.132								
	- Duy tu, sửa chữa công trình thuỷ lợi đầu mối	10.000		10.000								
	- Ban chỉ đạo phòng chống bão lũ tỉnh	500		500								
	Sở Tài nguyên MT và các đơn vị trực thuộc	**29.796**		**29.796**								
2	Chi cục Bảo vệ môi trường	1.555		1.555								
2.1	Chi cục quản lý đất đai	2.160		2.160								
2.1	Văn phòng đăng ký đất đai	5.295		5.295								
2.2	Trung tâm phát triển quỹ đất	2.975		2.975								
2.3	Bổ sung vốn Quỹ bảo vệ môi trường từ 20% thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	10.510		10.510								
2.4	Sở Tài nguyên và Môi trường	7.302		7.302								
2.5	- Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	5.602		5.602								
2.6	- Ban Chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu	200		200								
2.7	- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.500		1.500								
	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị trực thuộc	**367.991**		**367.991**								
	Văn phòng UBND tỉnh	26.202		26.202								
	Cổng thông tin điện tử tỉnh Yên Bái	3.459		3.459								
3	Trung tâm phục vụ hành chính công	5.330		5.330								
3.1	Đề án xây dựng mô hình đô thị thông minh	323.000		323.000								
3.2	Chính sách đối với cán bộ làm việc tại trung tâm phục vụ hành chính công, Bộ phận phục vụ hành chính công cấp huyện và cấp xã	10.000		10.000								
3.3	**Sở Công thương và các đơn vị trực thuộc**	**16.247**		**16.247**								
3.4	Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại (đã bao gồm chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm 1.000 triệu đồng)	2.869		2.869								
3.5	Chi khuyến công địa phương	3.000		3.000								
4	Chi công tác xúc tiến thương mại trong lĩnh vực công thương của tỉnh	2.500		2.500								
4.1	Văn phòng Sở Công thương	7.878		7.878								
4.2	**Sở Tư pháp và các đơn vị trực thuộc**	**12.978**		**12.978**								
4.3	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	752		752								
4.4	Trung tâm trợ giúp Pháp lý nhà nước	3.057		3.057								
5	Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh	1.500		1.500								
5.1	Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2018-2021	2.000		2.000								
5.2	Văn phòng Sở Tư pháp	5.669		5.669								
5.3	**Sở Xây dựng và các đơn vị trực thuộc**	**8.807**		**8.807**								
5.4	Thanh tra xây dựng	2.042		2.042								
5.5	Văn phòng Sở Xây dựng	6.765		6.765								
6	**Sở Khoa học và các đơn vị trực thuộc**	**30.991**		**30.991**								

6.1	Trung tâm ứng dụng kỹ thuật, thông tin khoa học và công nghệ	2.819		2.819								
6.2	Chi thực hiện Đề án áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000	1.050		1.050								
7	Sở khoa học và Công nghệ	27.123		27.123								
7.1	- Văn phòng Sở khoa học và Công nghệ	4.584		4.584								
7.2	- Đặt hàng thực hiện nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực của tỉnh.	5.000		5.000								
7.3	- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	17.538		17.538								
	BQL khu công nghiệp và các đơn vị trực thuộc	**4.157**		**4.157**								
	Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp	1.323		1.323								
	Văn phòng Ban quản lý các khu công nghiệp	2.834		2.834								
	Sở Văn hoá TT&DL và các đơn vị trực thuộc	**80.165**		**80.165**								
8	Thư viện tỉnh	5.318		5.318								
8.1	Trung tâm văn hóa nghệ thuật tỉnh	12.488		12.488								
8.2	Bảo tàng tỉnh	4.009		4.009								
9	Trung tâm quản lý di tích và phát triển du lịch	3.261		3.261								
9.1	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	16.650		16.650								
9.2	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn của tỉnh	15.000		15.000								
9.3	Chi hoạt động xúc tiến, phát triển du lịch của tỉnh	4.000		4.000								
9.4	Chi hỗ trợ tổ chức các lễ hội du lịch	5.000		5.000								
9.5	Sở Văn hoá thể thao và du lịch	14.440		14.440								
9.6	- Văn phòng Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch	6.408		6.408								
9.7	- Chi chung sự nghiệp thể dục thể thao	600		600								
9.8	- Chi hỗ trợ phát triển các đội bóng của tỉnh	800		800								
9.9	- Chi hỗ trợ 5 liên đoàn thể thao	400		400								
	- Chế độ tiền thưởng đối với VĐV, HLV thể thao	250		250								
	- Chi chung sự nghiệp văn hoá	550		550								
	- Chi sự nghiệp phát triển gia đình	250		250								
	- Chi công tác quản lý du lịch	450		450								
	- Ban chỉ đạo xây dựng đời sống văn hoá	200		200								
	- Chi bảo tồn văn hoá phục vụ du lịch	532		532								
	- Kinh phí tham gia Ngày hội VHTTDL các dân tộc vùng Tây Bắc	1.000		1.000								
	- Đề án xây dựng thương hiệu và phát triển du lịch giai đoạn 2018-2020 và tầm nhìn đến năm 2025	3.000		3.000								
	Đài phát thanh truyền hình	**65.547**		**65.547**								
	Chi hoạt động thường xuyên	27.547		27.547								
	Kinh phí xây dựng đài phát thanh truyền hình tỉnh	20.000		20.000								
	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất, phát sóng truyền hình theo tiêu chuẩn HD	17.000		17.000								
10	Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị truyền hình	1.000		1.000								

10.1	**Sở Giáo dục và các đơn vị trực thuộc**	**435.112**		**435.112**								
10.2	Trường phổ thông dân tộc nội trú THPT Miền Tây	13.515		13.515								
10.3	Trường phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	14.797		14.797								
11	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	15.871		15.871								
11.1	Trường THPT Lý Thường Kiệt	8.665		8.665								
11.2	Trường THPT Nguyễn Huệ	10.375		10.375								
11.3	Trường PTTH Hoàng Quốc Việt	6.125		6.125								
11.4	Trường cao đẳng sư phạm	12.640		12.640								
11.5	Trung tâm giáo dục thường xuyên	7.568		7.568								
11.6	Trường mầm non thực hành	3.944		3.944								
11.7	Trường tiểu học Nguyễn Trãi	8.696		8.696								
11.8	Trường THCS Quang Trung	8.011		8.011								
11.9	Chi các nhiệm vụ, chính sách giáo dục đào tạo dạy nghề khác theo quy định	34.957		34.957								
11.10	Kinh phí tuyển mới giáo viên	21.115		21.115								
11.11	Kinh phí thực hiện các đề án chính sách do HĐND tỉnh ban hành mới giai đoạn 2021-2025 và triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn, mua sắm trang thiết bị, sách giáo khoa phổ thông mới	68.200		68.200								
11.12	Chế độ học sinh	32.866		32.866								
11.13	Hỗ trợ cơ sở vật chất công nghệ thông tin hệ thống trường THPT	30.000		30.000								
11.14	Kinh phí các công trình trọng điểm và đầu tư cơ sở trường lớp học của sự nghiệp giáo dục	100.000		100.000								
11.15	Sở Giáo dục và Đào tạo	37.768		37.768								
11.16	- Văn phòng Sở giáo dục và Đào tạo	9.018		9.018								
	- Chi chung sự nghiệp ngành	12.000		12.000								
	- Chi công tác phổ cập giáo dục	1.500		1.500								
	- Chi thực hiện chế độ đối với học sinh cử tuyển	900		900								
	- Đề án dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2021-2025	3.200		3.200								
	- Đề án khen thưởng giáo viên, học sinh xuất sắc	3.500		3.500								
	- KP tham gia hội khỏe phù đổng lần thứ X năm 2021	1.400		1.400								
	- Tổ chức Đại hội thể dục thể thao ngành giáo dục và Đào tạo tỉnh Yên Bái lần thứ X năm 2021	950		950								
	- Kinh phí đào tạo nâng chuẩn giáo viên theo Luật giáo dục số 43/2019/QH 14	4.000		4.000								
	- Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia	1.300		1.300								
	Trường cao đẳng văn hóa nghệ thuật và du lịch	**11.461**		**11.461**								
	Trường Cao đẳng nghề	**33.098**		**33.098**								
	- Chi hoạt động thường xuyên	33.098		33.098								
	Trường cao đẳng y tế	**5.509**		**5.509**								
	Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc	**566.251**		**566.251**								
	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	20.375		20.375								

	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	4.400		4.400								
	Trung tâm Pháp y	1.636		1.636								
	Bệnh viện đa khoa Tỉnh	7.788		7.788								
12	Bệnh viện sản nhi	4.885		4.885								
13	Bệnh viện tâm thần	5.561		5.561								
	Bệnh viện Nội tiết	868		868								
14	Bệnh viện Lao và bệnh phổi	4.687		4.687								
15	Chi cục dân số kế hoạch hoá gia đình	1.864		1.864								
15.1	- Chi hoạt động thường xuyên	1.864		1.864								
15.2	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	1.907		1.907								
15.3	Chi hoạt động hợp tác với Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Hữu Nghị, viện 108	1.500		1.500								
15.4	Chi từ nguồn giảm cấp đối với các khoản chi được kết cấu trong giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nhiệm vụ, chính sách khác của ngành y tế	12.699		12.699								
15.5	Đóng BHYT cho người thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện KTXH khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn	319.728		319.728								
15.6	Đóng BHYT cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo	4.717		4.717								
15.7	Mua sắm mới Trung tâm y tế, Bệnh viện Tâm thần xây dựng và mua sắm, bệnh viện Đa khoa tỉnh	16.000		16.000								
15.8	Đóng BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	77.093		77.093								
15.9	Hỗ trợ đóng BHYT cho học sinh, sinh viên	9.856		9.856								
	Người hiến tạng cơ thể	6		6								
	Đối tượng cựu chiến binh	3.600		3.600								
15.10	Người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng	598		598								
15.11	Hộ nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình	28		28								
15.12	Sở Y tế	66.456		66.456								
15.13	- Văn phòng Sở Y tế	6.218		6.218								
15.14	- Chi chung sự nghiệp y tế	2.270		2.270								
15.15	- Chi phòng chống dịch sốt xuất huyết	100		100								
15.16	- Chi nâng cấp trang thiết bị y tế	1.000		1.000								
15.17	- Đề án chuẩn quốc gia về y tế xã của tỉnh	300		300								
15.18	- Đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu y tế, dân số	5.000		5.000								
15.19	- Chi đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các cơ sở y tế	50.000		50.000								
15.20	- Đối ứng quỹ toàn cầu phòng chống HIV/AIDS	230		230								
15.21	- Mua thẻ BHYT và đồng chi trả thuốc ARV cho bệnh nhân HIV	1.028		1.028								

	- Đối ứng thực hiện dự án "An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng" do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tài trợ theo Quyết định 3762/QĐ-BYT ngày 22/7/2016 của Bộ Y tế	210		210								
	- Chi phí hoạt động các Ban Chỉ đạo ngành y tế	100		100								
	Sở Lao động TBXH và các đơn vị trực thuộc	**64.907**		**64.907**								
	Trung tâm công tác xã hội và bảo trợ xã hội	6.229		6.229								
	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái	13.958		13.958								
	Trường Trung cấp dân tộc nội trú Nghĩa Lộ	14.104		14.104								
	Trường Trung cấp Lục Yên	8.103		8.103								
	Trung tâm Dịch vụ việc làm	1.791		1.791								
	Trung tâm điều dưỡng tỉnh	2.658		2.658								
	Chi đào tạo nghề cho lao động nông thôn	3.301		3.301								
	Sở Lao động thương binh & Xã Hội	14.762		14.762								
	- Văn phòng Sở lao động Thương binh và Xã hội	8.893		8.893								
16	- Ban chỉ đạo tuần lễ vệ sinh an toàn lao động	100		100								
16.1	- Chi các hoạt động phục vụ người có công	1.000		1.000								
16.2	- Chi các hoạt động bảo trợ xã hội	322		322								
16.3	- Ban chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo của tỉnh	200		200								
16.4	- Chi phục vụ công tác tiền lương, lao động, việc làm	800		800								
16.5	- Chi công tác quản lý BHXH, BHYT, BHTN	50		50								
16.6	- Chương trình quốc gia bình đẳng giới	150		150								
16.7	- Đề án phát triển nghề công tác xã hội theo Quyết định 32/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	250		250								
16.8	- Chi chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 90, 100	697		697								
	- Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em	500		500								
	- Hỗ trợ phẫu thuật tim cho trẻ em bị tim bẩm sinh theo Quyết định 55a/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	350		350								
	- Chi công tác thăm hỏi, các nhiệm vụ chính sách trong dịp tết nguyên đán theo nhiệm vụ được tinh giao	500		500								
	- Kinh phí rà soát, thống kê hộ nghèo, cận nghèo	300		300								
	- Chương trình trợ giúp người khuyết tật theo QĐ 1190/QĐ-TTg ngày 19/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ	150		150								
	- Chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh	500		500								
	Sở Nội vụ và các đơn vị trực thuộc	**37.283**		**37.283**								
	Sở Nội vụ	13.007		13.007								
	- Văn phòng Sở Nội vụ	9.222		9.222								
	- Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức	3.785		3.785								
	Ban thi đua khen thưởng	1.825		1.825								
	Ban Tôn giáo	2.542		2.542								
	Trung tâm lưu trữ lịch sử	2.203		2.203								
	Kinh phí công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh	7.300		7.300								

	Chính sách hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 04/07/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái	8.907		8.907								
	Kinh phí chỉnh lý, xử lý tài liệu lưu trữ	1.500		1.500								
17	**Sở Thông tin & TT và các đơn vị trực thuộc**	**20.449**		**20.449**								
17.1	Trung tâm công nghệ thông tin truyền thông	2.283		2.283								
	Văn phòng Sở Thông tin và truyền thông	5.006		5.006								
	Chi sửa chữa nâng cấp đài truyền thanh cơ sở	2.000		2.000								
17.2	Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các nhiệm vụ khác	9.160		9.160								
17.3	Chi sự nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh	2.000		2.000								
17.4	**Sở Giao thông Vận tải và các đơn vị trực thuộc**	**102.517**		**102.517**								
17.5	Thanh tra giao thông	4.610		4.610								
17.6	Văn phòng Sở giao thông Vận tải	5.102		5.102								
17.7	Chi phí trang trải cho việc thu phí, lệ phí, công tác sát hạch lái xe (được chi theo số thực nộp vào NSNN)	2.800		2.800								
17.8	Duy tu, sửa chữa giao thông đường bộ	40.000		40.000								
18	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ (NSTW bổ sung có mục tiêu)	47.032		47.032								
18.1	Ban an toàn giao thông tỉnh	2.973		2.973								
18.2	**Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị trực thuộc**	**33.217**		**33.217**								
19	Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư	11.585		11.585								
19.1	Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp tư vấn & XTĐT	631		631								
19.2	Chi thực hiện các hoạt động hợp tác đầu tư với các tỉnh trong và ngoài nước của tỉnh	14.000		14.000								
19.3	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin	2.000		2.000								
19.4	Chi hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh	5.000		5.000								
19.5	**Tỉnh đoàn thanh niên và các đơn vị trực thuộc**	**7.059**		**7.059**								
19.6	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi	1.742		1.742								
20	Đề án hỗ trợ phát triển phong trào thanh niên tỉnh Yên Bái khởi nghiệp giai đoạn 2021-2025	770		770								
20.1	Văn phòng Tỉnh đoàn thanh niên	4.547		4.547								
20.2	**Liên minh HTX và các đơn vị trực thuộc**	**3.729**		**3.729**								
20.3	Văn phòng Liên minh các HTX (đã bao gồm: Chính sách về phát triển kinh tế tập thể theo Nghị quyết của HĐND tỉnh 1.000 triệu đồng)	3.067		3.067								
20.4	Trung tâm tư vấn hỗ trợ thành viên	662		662								
20.5	**Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và các đơn vị trực thuộc**	**85.157**		**85.157**								
20.6	- Chi công tác quốc phòng thường xuyên	6.889		6.889								
20.7	- Chi công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ diễn tập	100		100								
21	- Kinh phí thực hiện Luật dự bị động viên	23.160		23.160								
21.1	- Chi công tác giáo dục quốc phòng	2.162		2.162								

21.2	- Đề án tổ chức xây dựng lực lượng Quân báo Trinh sát	1.240		1.240								
21.3	- Hội thao quốc phòng lực lượng vũ trang	300		300								
21.4	- Thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng địa phương	3.580		3.580								
22	- Đào tạo cán bộ quân sự Ban chỉ huy quân sự cấp xã	4.435		4.435								
22.1	- Hoạt động của Đảng ủy quân sự tỉnh	300		300								
22.2	- Mua sắm công cụ hỗ trợ cho LL dân quân tự vệ	4.035		4.035								
22.3	- Chi mua trang phục cho dân quân tự vệ	11.340		11.340								
23	- Thực hiện Luật dân quân tự vệ	1.035		1.035								
23.1	- Chi trả phụ cấp trách nhiệm cán bộ tự vệ thuộc tỉnh	740		740								
23.2	- Vốn dự bị động viên (NSTW hỗ trợ) (1)	7.500		7.500								
24	- Ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực Quốc phòng (xây dựng sửa chữa căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, sửa chữa kho tàng TTHL….)	13.841		13.841								
	- Chi đảm bảo cho giáo dục, tuyên truyền , phổ biến , tập huấn luật dự bị đông viên và luật dân quân tự vệ theo QĐ 140/QĐ-TTg ngày 20/1/2020; QĐ 667/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ	1.500		1.500								
	- Chi công tác diễn tập cấp huyện	3.000		3.000								
	Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	**17.618**		**17.618**								
	Ban dân tộc	**7.065**		**7.065**								
	- Văn phòng Ban dân tộc	5.869		5.869								
	- Đề án giảm thiểu hôn nhân cận huyết thống (NSTW)	196		196								
	- Chi mua báo cho người có uy tín trong đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số	1.000		1.000								
	Thanh tra Tỉnh	**10.026**		**10.026**								
	- Chi hoạt động thường xuyên	8.826		8.826								
	- Chi từ nguồn kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra (được chi theo số thu đã thực nộp vào NSNN)	1.200		1.200								
	Sở Tài chính	**25.667**		**25.667**								
	- Hoạt động thường xuyên Văn phòng Sở Tài chính	12.967		12.967								
	- Chi đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cán bộ tài chính	500		500								
	- Chi bổ sung Quỹ phát triển đất từ thu tiền thuê đất	7.200		7.200								
25	- Chi tăng cường cơ sở vật chất ngành tài chính	5.000		5.000								
	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	**876**		**876**								
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	**5.556**		**5.556**								
	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	**7.380**		**7.380**								
	- Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	6.787		6.787								
26	- Kinh phí thực hiện đề án bồi dưỡng cán bộ công chức hội liên hiệp phụ nữ các cấp, và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025 theo QĐ số 1893/QĐ-TTg ,ngày 31/12/2018 hội phụ nữ (NSTW)	247		247								

	- Trung tâm hỗ trợ phụ nữ tỉnh	346		346								
	Hội người cao tuổi tỉnh	**1.164**		**1.164**								
27	**Hội nông dân tỉnh**	**4.846**		**4.846**								
	Hội Cựu chiến binh tỉnh	**2.092**		**2.092**								
	Hội chữ Thập đỏ	**3.166**		**3.166**								
	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật	**3.857**		**3.857**								
	Hội đông Y	**1.233**		**1.233**								
28	**Hội Nhà báo**	**2.160**		**2.160**								
29	**Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh**	**1.990**		**1.990**								
30	**Hội khuyến học**	**1.151**		**1.151**								
	Hội cựu thanh niên xung phong	**567**		**567**								
	Hội người mù	**571**		**571**								
	Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin	**345**		**345**								
31	**Hội khác hoạt động trong phạm vi địa phương**	**500**		**500**								
32	**Hội Luật gia**	**388**		**388**								
33	**Đề án, nhiệm vụ khác của tỉnh giai đoạn 2021-2025**	**50.000**		**50.000**								
34	**Tòa án nhân dân tỉnh**	**350**		**350**								
35	- Hỗ trợ hoạt động Hội thẩm nhân dân cấp tỉnh theo Pháp lệnh về thẩm phán và Hội thẩm tòa án nhân dân	150		150								
36	- Hỗ trợ tuyên truyền giáo dục pháp luật…	100		100								
37	- Kinh phí hỗ trợ cải cách tư pháp	100		100								
38	**Cục Thi hành án dân sự tỉnh** (Kinh phí Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh theo Thông tư liên tịch số 14/2011/TTLT-BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 11/7/2011)	**200**		**200**								
39	**Viện kiểm sát nhân dân tỉnh**	**250**		**250**								
40	**Văn phòng CĐĐP Chương trình nông thôn mới**	**800**		**800**								
41	**Công an tỉnh**	**13.873**		**13.873**								
42	- Chi hoạt động an ninh thường xuyên	6.248		6.248								
43	- Kinh phí mua trang phục, thiết bị cho công an xã	2.426		2.426								
44	- Kinh phí mua trang phục đối với Bảo vệ dân phố	349		349								
45	- Chi hoạt động cảnh sát môi trường	350		350								
46	- Đề án tăng cường bảo đảm quốc phòng an ninh giai đoạn 2021-2025	1.000		1.000								
	- Kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông (NSTW)	3.000		3.000								
	- Hỗ trợ hoạt động của Đảng ủy công an tỉnh	500		500								
	Dự toán chi của các cơ quan Đảng cấp tỉnh	**197.776**		**197.776**								
47	- Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị dự toán trực thuộc (phần ngân sách nhà nước cấp)	185.043		185.043								
48	- Trường Chính trị tỉnh	12.733		12.733								
49	**Chi thực hiện các chính sách, nhiệm vụ khác của ngân sách cấp tỉnh**	**288.215**		**288.215**								

50	- Chi thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở cấp tỉnh theo Thông tư số 97/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính	1.000		1.000								
	- Trụ sở làm việc Công an xã (theo đề án xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2019-2025; 26 trụ sở)	30.000		30.000								
	- Kinh phí tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	15.932		15.932								
	- Kinh phí thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (2)	9.162		9.162								
	- Hoạt động của Ban chỉ đạo 389 tỉnh (3)	300		300								
	- Đề án xây dựng và tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số diện Ban Thường vụ tỉnh ủy quản lý đến năm 2030	3.000		3.000								
	- Chi xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội hàng năm	2.000		2.000								
	- Chi duy tu, sửa chữa giao thông miền núi	15.000		15.000								
	- Sửa chữa, nâng cấp trụ sở Phòng Tài chính Kế hoạch	10.000		10.000								
	- Vốn sự nghiệp ngoài nước (NSTW bổ sung)	2.340		2.340								
51	- Chi đảm bảo xã hội và các chính sách, nhiệm vụ khác của ngân sách cấp tỉnh	109.237		109.237								
	- Chi đối ứng và triển khai thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài	3.000		3.000								
	- Chi xây dựng giá đất, kiểm kê đất đai hàng năm	1.000		1.000								
52	- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2019-2025 theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 15/3/2019	10.000		10.000								
	- Kinh phí tuyên truyền chào mừng đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng	3.000		3.000								
	- Kinh phí lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và điều chỉnh quy hoạch theo quy định khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	30.000		30.000								
	- Đề án phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, xuất cảnh trái phép đồng bào dân tộc thiểu số	1.000		1.000								
	- Chi mua sắm, sửa chữa ô tô và máy móc, thiết bị; bảo trì trụ sở làm việc…	20.000		20.000								
	- Chi khác của ngân sách cấp tỉnh	11.245		11.245								
	- Chi các hoạt động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PARINDEX) và chỉ số hiệu quả và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	3.000		3.000								

	- Chi xử lý vi phạm hành chính; chi trang trải cho hoạt động thu phí, lệ phí; chi từ nguồn kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra (được chi theo số thu đã thực nộp vào ngân sách nhà nước)	8.000		8.000								
II	**CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY**	**4.700**			**4.700**							
III	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**	**1.200**				**1.200**						
IV	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**97.565**					**97.565**					
V	**CHI TOẠN NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**	**266.570**						**266.570**				
VI	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU**											